Chi tiết mã HS 6502.00.00

Mã HS	6502.00.00
Mô tả hàng hóa	Các loại thân mũ, được làm bằng cách tết hoặc ghép các dải làm bằng vật liệu bất kỳ, chưa dựng theo khuôn, chưa làm vành, chưa có lót, chưa có trang trí
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 18:53:02
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/65020000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10062
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10062
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10062
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9577
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9528
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9528
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9528
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9528
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9528
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9528
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9580
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9580

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9580
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9580
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9580
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9580
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9581
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9581
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9581
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9581
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9581
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9581
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9582
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9534
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9540
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9540
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9540
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9540
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9540
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9540
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9565
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9565
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9565
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9565
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9565
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9565
VCFTA	2022	2022	2	VC!D9612
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9612

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9612
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9612
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9612
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9612
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9591
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9591
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9591
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9591
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9591
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9591
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9603
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9603
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9603
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9603
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9603
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9603
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D9614
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E9614
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F9614
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9614
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9614
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9614
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D9613
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E9613
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F9613
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9613

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9613
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9613
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9560
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9560
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9560
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9560
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9560
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9560
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9560
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9597
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9597
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9597
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9597
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9597
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9597
RCEP B	2022	2022	0	B!D9597
RCEP B	2023	2023	0	B!E9597
RCEP B	2024	2024	0	B!F9597
RCEP B	2025	2025	0	B!G9597
RCEP B	2026	2026	0	B!H9597
RCEP B	2027	2027	0	B!I9597
RCEP C	2022	2022	0	C!D9597
RCEP C	2023	2023	0	C!E9597
RCEP C	2024	2024	0	C!F9597
RCEP C	2025	2025	0	C!G9597
RCEP C	2026	2026	0	C!H9597

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9597
RCEP D	2022	2022	0	D!D9596
RCEP D	2023	2023	0	D!E9596
RCEP D	2024	2024	0	D!F9596
RCEP D	2025	2025	0	D!G9596
RCEP D	2026	2026	0	D!H9596
RCEP D	2027	2027	0	D!I9596
RCEP E	2022	2022	0	E!D9600
RCEP E	2023	2023	0	E!E9600
RCEP E	2024	2024	0	E!F9600
RCEP E	2025	2025	0	E!G9600
RCEP E	2026	2026	0	E!H9600
RCEP E	2027	2027	0	E!I9600
RCEP F	2022	2022	0	F!D9597
RCEP F	2023	2023	0	F!E9597
RCEP F	2024	2024	0	F!F9597
RCEP F	2025	2025	0	F!G9597
RCEP F	2026	2026	0	F!H9597
RCEP F	2027	2027	0	F!I9597
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F8886
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G8886
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H8886
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I8886

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6502.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 6502.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10062), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.